

Mẫu số 01. Phiếu kiểm định dùng cho xe cơ giới (trừ mô tô, xe gắn máy)

**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(MÃ SỐ)**

**PHIẾU KIỂM ĐỊNH XE CƠ
GIỚI**

Ngày kiểm định:

Chủ xe:

Số điện thoại:

Số phiếu ⁽¹⁾:

☐ Lần đầu

☐ Định kỳ

☐ Kinh doanh vận tải

Biển số đăng ký:

Địa điểm kiểm định:

☐ Tại cơ sở đăng
kiểm

☐ Ngoài cơ sở đăng
kiểm

Kiểm định lần:

THÔNG TIN CHUNG

Số QLPT:

Nhóm PT:

Loại PT:

Nhãn hiệu/Tên thương mại:

Mã kiểu loại:

Số khung:

Năm, nước SX:

Số động cơ:

Chỉ số đồng hồ công-tơ-mét:

Cho phép tự động hóa: ☐ Một phần / ☐ Toàn phần
Sử dụng năng lượng sạch, xanh, thân thiện
môi trường: ☐

Số seri TB khí thải:

T.gian kt:

Số seri TB đèn:

T.gian kt:

Số seri TB phanh:

T.gian kt:

Số seri TB độ ồn:

T.gian kt:

Số seri TB trượt ngang:

T.gian kt:

THÔNG SỐ KIỂM TRA BẰNG THIẾT BỊ

T T	Tên thông số	Giá trị	T T	Tên thông số	1	2	3	4	5	6
1	Nồng độ CO (%)		2 0	Lực phanh trái (N)						
2	Nồng độ HC (ppm)		2 1	Lực phanh phải (N)						
3	Tốc độ động cơ (rpm) (min/max)		2 2	Độ lệch lực phanh (%)						
4	Độ khối trung bình (%)		2 3	Khối lượng cầu xe (kg)						
5	Sai lệch lớn nhất các lần đo		2 4	Hiệu quả phanh cầu xe (%)						
6	Thời gian gia tốc		2	Lực cản lăn trái						

	lớn nhất (s)		5	(N)						
7	Góc lệch trên, dưới đèn cốt trái (%)		2 6	Lực cản lăn phải (N)						
8	Góc lệch trái, phải đèn cốt trái (%)		2 7	Lực phanh đỗ trái (N)						
9	Góc lệch trên, dưới đèn cốt phải (%)		2 8	Lực phanh đỗ phải (N)						
1 0	Góc lệch trái, phải đèn cốt phải (%)		2 9	Độ lệch phanh đỗ (%)						
1 1	Cường độ pha trái (kCd)		3 0	Hiệu quả phanh đỗ/cầu xe (%)						
1 2	Cường độ pha phải (kCd)		3 1	Khối lượng xe (kg)						
1 3	Góc lệch trên, dưới đèn pha trái (%)		3 2	Tổng lực phanh chính (N)						
1 4	Góc lệch trái, phải đèn pha trái (%)		3 3	Hiệu quả phanh chính (%)						
1 5	Góc lệch trên, dưới đèn pha phải (%)		3 4	Tổng lực phanh đỗ (N)						
1 6	Góc lệch trái, dưới đèn pha phải (%)		3 5	Hiệu quả phanh đỗ (%)						
1 7	Độ trượt ngang (mm/m)		Lưu ý: các giá trị khối lượng tại bảng trên được xác định trong điều kiện chỉ để tính toán hiệu quả phanh.							
1 8	Âm lượng còi (dB)									
1 9	Độ ồn (dB)									

Công đoạn 1:	(Kết luận: ghi Đạt hoặc Không đạt)	(Họ và tên đăng kiểm viên kiểm tra)
Công đoạn 2:	VD: Đạt	VD: Nguyễn Văn A
Công đoạn 3:	VD: Không đạt	VD: Trần Văn B
Công đoạn ...	...	...

4:

Công đoạn

5:

...

...

Hạng mục không đạt (nếu có): (ghi rõ các hạng mục không đạt)

Thời gian in:

Mã kiểm tra:

Kết luận chung: ☐ Đạt yêu cầu / ☐ Không đạt yêu cầu

Chu kỳ kiểm định (tháng) GCN có hiệu lực đến hết ngày: .../.../...

Ảnh tổng thể xe chiếm khoảng 75% diện tích của khung ảnh

*Ảnh tổng thể xe chiếm
khoảng 75% diện tích của
khung ảnh*

Ảnh biển số đăng ký của xe

**Lãnh đạo bộ phận kiểm
định**

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾ Số phiếu kiểm định phải theo thứ tự tăng dần, phù hợp với thời gian thực hiện kiểm định phương tiện trong năm.